

Bản án số: 24/2024/TCDS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và Bà Trần Thị Thuý Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST - TCDS ngày 25/6/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST - TCDS ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V; Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Th, quận B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn X- Giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Qu; đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Khắc Ngọc Tr - Trưởng phòng khách hàng cá nhân ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Qu, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện B, tỉnh Qu. Tại phiên toà ông Th và bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tên viết tắt là Agribank) trình bày:

Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H đã tự nguyện vay vốn với mục đích mua tàu cá, tu sửa tàu cá và kinh doanh hàng thủy hải sản tại Agribank Chi nhánh Bắc Qu theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 26/02/2020 Ngân hàng và ông Nguyễn Văn **Th**, bà Nguyễn Thị **H** đã ký Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-202000728 và sau đó ký các Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-B ngày 05 tháng 8 năm 2020, 3801-LAV-202000728-C ngày 22 tháng 02 năm 2021, 3801-LAV-202000728-D ngày 25 tháng 8 năm 2021, số 3801-LAV-202000728-E ngày 22 tháng 02 năm 2022, 3801-LAV-202000728-F ngày 15 tháng 8 năm 2022, 3801-LAV-202000728-G ngày 20 tháng 02 năm 2023, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-H ngày 18 tháng 8 năm 2023 với số tiền vay là 4.500.000.000 đồng; Số tiền giải ngân thực tế: 4.500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là mua tàu cá và tu sửa tàu cá; thời hạn vay 8 năm; lãi suất 10%. Để bảo đảm cho khoản vay này ông **Th** và bà **H** Thế chấp tài sản là Tàu cá vỏ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 00140; số đăng ký QB-92236-TS do Chi cục Thủy sản **Qu** cấp ngày 06/05/2020 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 86/2020/HĐTC ngày 25 tháng 02 năm 2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 920, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/02/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng có số đăng ký là 1361499958 ngày 26/02/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 86A/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 06 tháng 05 năm 2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1628, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/05/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng có số đăng ký là 2032844086 ngày 06/05/2020. Giá trị tàu: 6.500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông **Th** và bà **H** đã trả được 18.986.000 (mười tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tiền gốc và 114.657.534 (một trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng) tiền lãi. Ngày trả nợ gốc cuối cùng của ông bà đối với khoản vay này là ngày 18/08/2021, ngày trả nợ lãi cuối là ngày 25/02/2021 trả lãi đến ngày 28/05/2020. Dư nợ đến ngày 06/08/2024 của khoản vay này là 6.439.841.904 đồng. Trong đó: Nợ gốc 4.481.014.000 đồng và lãi 1.958.827.904 đồng.

Ngày 21/01/2022, ông **Th** và bà **H** lại tiếp tục ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-202200284 và sau đó có ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 3801-LAV-202200284-A ngày 15 tháng 11 năm 2022 với số tiền vay là 800.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là kinh doanh hàng thủy hải sản; thời hạn vay 1 năm; lãi suất 9%. Để bảo đảm cho khoản vay này ông **Th** và bà **H** đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 482708, Số vào sổ cấp GCN: CH01661, do UBND Huyện **B** cấp ngày 9 tháng 11 năm 2016 mang tên Nguyễn Văn **Th** và Nguyễn Thị **H** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85/2020/HĐTC ngày 25 tháng 02 năm 2020 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 921, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/02/2020, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện **B** ngày 26/02/2020. Giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: 1.100.000.000 đồng. Đối với khoản vay này quá trình thực hiện hợp đồng này ông **Th** và bà **H** chưa trả được tiền gốc và lãi phát

sinh. Dư nợ đến ngày 06/08/2024: 1.023.627.397 đồng. Trong đó: Nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi 223.627.397 đồng.

Tổng dư nợ tính đến ngày 06/08/2024 của cả hai khoản vay là: 7.463.469.301 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.281.014.000 đồng và lãi 2.182.455.301 đồng. Ngân hàng đã trực tiếp nhiều lần và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng nêu trên nhưng ông bà vẫn không trả nợ tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng và liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, Agribank chi nhánh Bắc **Qu** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2024 Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông **Th**, bà **H** phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 7.568.959.459 đồng; trong đó nợ gốc: 5.281.014.000 đồng; nợ lãi: 2.287.945.459 đồng; trong đó: lãi trong hạn 2.096.997.179 đồng và lãi quá hạn 190.948.279 đồng; buộc ông **Th**, bà **H** phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng. Nếu ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** theo các hợp đồng bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 86/2020/HĐTC ngày 25 tháng 02 năm 2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 86A/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 06 tháng 05 năm 2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 85/2020/HĐTC ngày 25 tháng 02 năm 2020 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc **Qu** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà phía Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp, yêu cầu ông **Th** và bà **H** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng.

- *Tại biên bản lấy lời khai, văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** thống nhất trình bày:* Năm 2017 vợ chồng ông bà có thế chấp tài sản là Tàu cá mang BKS QB-92686-TS và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của gia đình ở thôn Thượng Đức cho Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Bắc **Qu** để vay vốn làm ăn. Tháng 12/2017, tàu cá của vợ chồng gặp nạn và bị chìm nên Công ty bảo Minh đã giải quyết bồi thường cho vợ chồng ông **Th** số tiền 4.450.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đã ký xác nhận đề nghị tổng công ty cổ phần Bảo Minh chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng trả tiền vay cho Ngân hàng. Trước lúc trả tiền vay, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc **Qu** hứa với gia đình là có 5-6 chiếc tàu cá do Ngân hàng xử lý nếu muốn mua lại thì Ngân hàng sẽ bán cho để có phương tiện đánh bắt thủy hải sản. Gia đình ông bà đã tin tưởng phía Ngân hàng đi xem tàu do Ngân hàng giới thiệu thì chỉ có

01 con tàu. Khi xem tàu, ông bà đề nghị phía Ngân hàng cho xem kỹ lưỡng thì Ngân hàng chỉ cho xem qua phần **Th** vỏ mà không cho kiểm tra máy móc bên trong và cam đoan là máy móc còn tốt đang hoạt động bình thường. Do nhu cầu gia đình ông bà cần phương tiện để đi biển, vợ chồng xác định con tàu giá khoảng 3.200.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà bị cán bộ Ngân hàng yêu cầu mua lại con tàu với giá 4.450.000.000 đồng bằng số tiền mà Bảo hiểm chi trả bồi thường cho gia đình ông bà. Quá trình gia đình ông bà kết hợp với ngân hàng kéo tàu lên để tu sửa tàu cá thì thấy máy móc tàu cá hư hỏng hoàn toàn, máy chính không nổ, 02 máy phụ và mô tơ bị hư hỏng hoàn toàn không sửa chữa được, phải thay thế hoàn toàn; bộ đàm, định vị hỏng hư hỏng hết. Tại thời điểm đó, vợ chồng ông **Th**, bà **H** mong muốn trả lại tàu cho Ngân hàng nhưng ngân hàng không cho, xin vay thêm vốn để có tiền sửa chữa Ngân hàng cũng không cho nên ông bà đã vay mượn bà con, anh em, thậm chí bán đất của con để bán lấy tiền đầu tư, sửa chữa tàu cá chi phí gần 2.000.000.000 đồng. Ông **Th**, bà **H** thừa nhận có ký 02 hợp đồng vay vốn với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc **Qu** như đại diện của ngân hàng trình bày, cụ thể lần đầu vợ chồng vay số tiền 4.500.000.000 đồng, lần 2 vay số tiền 800.000.000 đồng và có thế chấp tàu cá mới đầu giá được là tàu QB-92236-TS và Quyền sử dụng đất của vợ chồng thừa đất số 181, tờ bản đồ số 1 mang tên vợ chồng ông **Th**, bà **H** để vay vốn. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông **Th** có trả cho Ngân hàng như số tiền mà đại diện Ngân hàng trình bày. Ngân hàng khởi kiện đề nghị vợ chồng trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 06/08/2024 là 7.463.469.301 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.281.014.000 đồng và nợ lãi 2.182.455.301 đồng, ông **Th** và bà **H** thừa nhận có vay thì có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên từ năm 2021 do dịch bệnh Covid-19, việc đánh bắt thủy hải sản mất mùa, mặt khác ông **Th** bị bệnh tai biến phải đi điều trị tại nhiều bệnh viện nên chưa có tiền để trả cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Gia đình ông **Th**, bà **H** có nguyện vọng phía Ngân hàng tiếp tục gia hạn khoản vay, tạo điều kiện cho vợ chồng ông **Th** giữ lại tàu cá đánh bắt thủy hải sản để có tiền trả nợ cho Ngân hàng và có nhà ở để sinh sống làm ăn.

Ngày 29/7/2024, Tòa án nhân dân huyện **B** đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tàu cá QB92236TS tại khu vực Âu thuyền thuộc thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện **B**, tỉnh **Qu** đã xác định tàu cá đang neo đậu tại khu vực này trên thuyền có các ngư cụ đánh cá kèm theo.

Ngày 30/7/2024, Tòa án nhân dân huyện **B** đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 181, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa số 73, tờ bản đồ số 2) tại thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện **B**, tỉnh **Qu**. Kết quả thẩm định thể hiện: Thửa đất mà Nguyễn Văn **Th** và Nguyễn Thị **H** thế chấp khoản tiền vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc **Qu** thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa số 73, tờ bản đồ số 2) tại thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện **B**, tỉnh **Qu** có diện tích 207,8 m². Thửa đất có tứ cận: phía Tây giáp thửa đất số 114 và 113 có chiều dài 0,96m+2.39m + 7,22m+1,95m +3,46m; phía Nam giáp với thửa đất số 114 và 115 cạnh có chiều dài 7,81m+6,31m; phía Đông

giáp thửa đất số 71 và 72 cạnh có chiều dài 14,93m; Phía Bắc giáp với đường giao thông cạnh có chiều dài 1.32m+3,84m+3,80m+2,23m+0,88m+4,43m+3,46m.

Tài sản trên đất: có 01 ngôi nhà cấp 4, đổ bằng, có lát gạch, tường sơn có diện tích xây dựng 90,6 m²; 01 rạp che lợp tôn có diện tích khoảng 65,6m². Phía Tây thửa đất có 01 chái bếp tạm xây bằng bờ lóc, lợp bờ rô xi măng. Bao quanh thửa đất đã xây dựng hàng rào tô trét hoàn chỉnh. Ranh giới thửa đất sử dụng ổn định không có tranh chấp. So với thời điểm thế chấp tài sản cho Ngân hàng, tài sản thế chấp không có thay đổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên toà cho vợ chồng ông **Th**, bà **H** nhưng ông bà không đến Tòa án để tham gia phiên toà. Theo quy định pháp luật Tòa án hoãn phiên toà lần 1. Sau đó Tòa án tiếp tục tổng đạt và niêm yết Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập đến phiên toà lần 2 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Trạch. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đức Trạch thể hiện quá trình chính quyền địa phương giao các văn bản tố tụng cho ông **Th** và bà **H** thì ông bà đều từ chối nhận.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **B**, tỉnh **Qu** phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 24/9/2024 là 7.568.959.459 đồng trong đó nợ gốc: 5.281.014.000 đồng; nợ lãi: 2.287.945.459 đồng; trong đó: lãi trong hạn 2.096.997.179 đồng và lãi quá hạn 190.948.279 đồng và số tiền lãi được tính tiếp từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức. Nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đúng hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện **B**, tỉnh **Qu** và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện **B** giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **B**, tỉnh **Qu**.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 05/9/2024 do ông **Th** và bà **H** vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần 2 ông **Th**, bà **H** tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** đã thừa nhận đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728 ngày 26 tháng 02 năm 2020, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-A ngày 06 tháng 5 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-B ngày 05 tháng 8 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-C ngày 22 tháng 02 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-D ngày 25 tháng 8 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-E ngày 22 tháng 02 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-F ngày 15 tháng 8 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-G ngày 20 tháng 02 năm 2023, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202000728-H ngày 18 tháng 8 năm 2023 vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc **Qu** số tiền 4.500.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202200284 ngày 21 tháng 01 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3801-LAV-202200284-A ngày 15 tháng 11 năm 2022 vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc **Qu** số tiền 800.000.000 đồng; các hợp đồng giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc **Qu** với ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275 và Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** không trả đầy đủ số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy yêu

cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 24/9/2024 là 7.568.959.459 đồng; trong đó nợ gốc: 5.281.014.000 đồng; nợ lãi: 2.287.945.459 đồng; trong đó: lãi trong hạn 2.096.997.179 đồng và lãi quá hạn 190.948.279 đồng.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 86/2020/HĐTC ngày 25/02/2020, phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi lại nội dung đã đăng ký ngày 06/5/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 86A/2020/HĐTC ngày 06/5/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 85/2020/HĐTC ngày 25/02/2020 đã ký giữa Agribank Chi nhánh Bắc **Qu** (Bên nhận thế chấp) với ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** (Bên thế chấp) để bảo đảm cho khoản vay của ông **Th** và bà **H** được các bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy các hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ được chấp nhận.

Xét yêu cầu của phía nguyên đơn, trường hợp sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tài sản bảo đảm của vợ chồng ông **Th** và bà **H** đã thế chấp tại Ngân hàng mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông **Th** và bà **H** để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật không được chấp nhận. Vì phạm vi xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản nợ chỉ được xử lý theo các hợp đồng thế chấp mà phía bị đơn đã ký với Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hội đồng đã chi phí tiền thuê thiết bị đo đạc, chi phí thẩm định hết số tiền 4.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.500.000 đồng, buộc ông **Th** và bà **H** phải hoàn trả chi phí trên cho phía Ngân hàng là phù hợp với các quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải chịu toàn bộ án phí vụ án theo quy định pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.661.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H**.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 24/9/2024 là 7.568.959.459 (*bảy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi chín*) đồng; trong đó nợ gốc: 5.281.014.000 đồng; nợ lãi: 2.287.945.459 đồng; trong đó: lãi trong hạn 2.096.997.179 đồng và lãi quá hạn 190.948.279 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** không thanh toán được nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện **B**, tỉnh **Qu** thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 86/2020/HĐTC ngày 25/02/2020, phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi lại nội dung đã đăng ký ngày 06/5/2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 86A/2020/HĐTC ngày 06/5/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 85/2020/HĐTC ngày 25/02/2020 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc **Qu** với ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự sau khi đã xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ mà vẫn không trả đủ nợ thì xử lý bất kỳ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** để thu hồi nợ.

*Kể từ ngày 25/9/2024 ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.*

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 4.500.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn **Th** và bà Nguyễn Thị **H** phải chịu số tiền 115.568.959 (một trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.661.000 (năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002642 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **B**, tỉnh **Qu**.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/9/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh **Qu**;
- VKSND huyện **B**;
- Chi cục THADS huyện **B**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

